

Tăng tỷ trọng

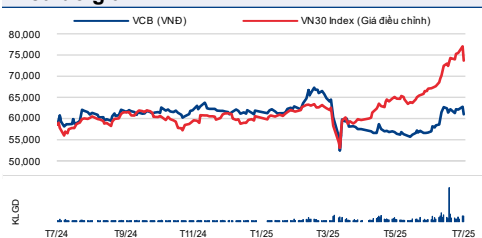
Giá mục tiêu: VNĐ66,300

Tiềm năng tăng/giảm: 8.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2025)	60,900
Mã Bloomberg	VCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	52,500-67,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	61,567
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	508,862
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	19,420
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,356
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,507
Slg CP NN được mua (tr.đv)	654
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.2%
Tỷ lệ freefloat	6.64%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (74.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,085	2,428	2,770
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,449	1,683	1,953
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	68.6	75.9	90.9
Lợi nhuận thuần (ntđ)	33.8	36.0	42.3
BVPS (đồng)	23,799	29,686	34,059
EPS (đồng)	4,049	4,172	4,753
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	14.1	16.1	16.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	1.26	10.6	19.8
Tăng trưởng EPS (%)	2.42	3.04	13.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	18.6	15.5	14.9
ROAA (%)	1.72	1.59	1.63
Tỷ lệ NIM (%)	2.86	2.74	2.88
Tỷ lệ CIR (%)	33.6	33.8	31.5
Hệ số CAR (%)	12.2	13.4	13.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.96	0.96	0.90
LLR/nợ xấu (%)	223	200	197
Hệ số LDR (%)	95.7	98.4	97.0
P/B (lần)	2.56	2.05	1.79
P/E (lần)	15.0	14.6	12.8
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam xét trên quy mô tài sản và dư nợ. VCB là ngân hàng có lợi thế về chi phí vốn, quản trị rủi ro thận trọng và chất lượng tài sản hàng đầu.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q2/2025: LNTT tăng 9,1%, ổn định và sát với dự báo

- VCB công bố LNTT Q2/2025 đạt 11 nghìn tỷ đồng (tăng 9,1%), và LNTT 6 tháng đầu năm 2025 tăng 5,1%, sát với dự báo của chúng tôi. Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối, thu nhập từ thu hồi nợ ngoại bảng tăng trưởng tốt cùng với chi phí dự phòng giảm xuống giúp giảm thiểu tác động từ sự thu hẹp của tỷ lệ NIM và lãi thuần HĐ dịch vụ.
- Tín dụng tăng trưởng 7,3% kể từ đầu năm trong khi tiền gửi tăng trưởng 4,7% kể từ đầu năm. Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước ở mức 2,64% trong khi lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 43% so với cùng kỳ, bù trừ với lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng mạnh 41% so với cùng kỳ.
- Chất lượng tài sản tốt với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR là 214%.
- HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu cho VCB.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025 vào ngày 30/7/2025

VCB công bố LNTT Q2/2025 đạt 11.000 tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ, và LNTT 6 tháng đầu năm 2025 tăng 5,1% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi. Nhìn chung, kết quả này cho thấy sự ổn định và vững chắc. Ngân hàng tiếp tục duy trì tỷ lệ NIM ở mức thấp để hỗ trợ nền kinh tế. Thu nhập phí & tỷ lệ NIM thấp đã được bù đắp bởi lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối & thu nhập từ thu hồi nợ ngoại bảng tăng trưởng tốt và chi phí dự phòng thấp hơn dự báo.

Tín dụng tăng trưởng 7,3% so với đầu năm, tiền gửi tăng 4,7% so với đầu năm

Tăng trưởng tín dụng đạt 7,3% kể từ đầu năm, thấp hơn bình quân ngành là 9,9%, nhưng sát với giả định của chúng tôi. Theo ước tính của chúng tôi, nếu bao gồm cả các khoản vay được chuyển nhượng cho VCBNeo, tăng trưởng tín dụng thuần sẽ đạt trên 10%. Tín dụng ngắn hạn (tăng 8,2% so với đầu năm) tăng mạnh hơn một chút so với cho vay trung/dài hạn (tăng 5,9% so với đầu năm).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, VCB

Thu nhập lãi thuần và lãi thuần HĐ dịch vụ kém tích cực nhưng được bù đắp một phần nhờ chi phí dự phòng giảm

	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	13,908	14,160	1.8%	27,986	27,847	-0.5%	45.5%
Thu nhập ngoài lãi	2,844	3,708	30.4%	6,046	7,286	20.5%	49.5%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,499	861	-42.6%	2,941	1,667	-43.3%	42.3%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	1,161	1,635	40.9%	2,359	3,659	55.1%	50.2%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	1	1	88.7%	23	37	60.5%	44.9%
Thu nhập khác	24	1,153	4627.8%	532	1,816	241.0%	59.0%
Thu nhập từ mua cổ phần	159	58	-63.6%	191	106	-44.5%	32.9%
Tổng thu nhập HĐ	16,752	17,868	6.7%	34,032	35,133	3.2%	46.3%
Chi phí HĐ	5,122	6,025	17.6%	10,176	11,677	14.8%	45.6%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,630	11,844	1.8%	23,856	23,456	-1.7%	46.7%
Chi phí dự phòng	1,514	810	-46.5%	3,022	1,562	-48.3%	29.7%
LNTT	10,116	11,034	9.1%	20,835	21,894	5.1%	48.6%
Lợi nhuận thuần	8,119	8,832	8.8%	16,699	17,528	5.0%	48.7%

Nguồn: VCB, HSC

Tổng tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá chỉ tăng 4,7% so với đầu năm. Hệ số LDR điều chỉnh (tổng tín dụng trên tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá) vẫn ổn định so với quý trước, ở mức khoảng 97%. Tiền gửi từ KBNN giảm 18% so với quý trước (mặc dù vẫn tăng 28% so với đầu năm), hiện đóng góp 5% tổng vốn huy động (tăng từ 4,2% tại thời điểm cuối năm 2024). Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn cải thiện 1,6 điểm phần trăm so với quý trước và so với cùng kỳ lên 37%, góp phần giảm chi phí huy động Q2/2025.

Tỷ lệ NIM và lãi thuần HĐ dịch vụ vẫn kém tích cực

Tỷ lệ NIM đi ngang so với quý trước ở mức 2,64% do cả lợi suất gộp và chi phí huy động đều giảm 4 điểm cơ bản so với quý trước, tương đương giảm 15 điểm cơ bản kể từ đầu năm. Mặc dù chi phí huy động cải thiện, VCB đã chủ động cắt giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế. Tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo của chúng tôi (kỳ vọng cải thiện nhẹ qua từng quý).

Lãi thuần HĐ dịch vụ vẫn kém tích cực, giảm 43% so với cùng kỳ nhưng tăng nhẹ 7% so với quý trước, thấp hơn dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, sự giảm sút này đã được bù đắp nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng mạnh 41% so với cùng kỳ và sát với dự báo của chúng tôi. Thu nhập khác (bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu) tăng mạnh lên 1,2 nghìn tỷ đồng trong Q2/2025 từ chỉ 24 tỷ đồng trong Q2/2024, góp phần vào tăng trưởng lợi nhuận và vượt kỳ vọng của chúng tôi.

Chất lượng tài sản vững chắc

Chất lượng tài sản vẫn vững chắc với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1%, giảm 3 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 4 điểm cơ bản so với đầu năm. Chi phí dự phòng Q2/2025 giảm 46,5% so với cùng kỳ, thấp hơn so với dự báo do nợ xấu mới hình thành thấp hơn giả định của chúng tôi. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR vẫn ở mức cao và ổn định so với quý trước ở mức 213,8%. VCB giữ vững vị thế dẫn đầu toàn ngành về chất lượng tài sản và đệm dự phòng.

Hệ số CIR tăng nhẹ lên 33,7%

Hệ số CIR ở mức 33,7% trong Q2/2025, tăng 1 điểm phần trăm so với Q1/2025 và tăng 3 điểm phần trăm so với Q2/2024. Điều này cho thấy VCB không đi theo xu hướng cắt giảm chi phí hoạt động như một số NHTM tư nhân. Tổng số lượng nhân viên của Ngân hàng vẫn ổn định kể từ đầu năm là khoảng 24.100 người.

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

Nhìn chung, kết quả kinh doanh của VCB sát với dự báo của chúng tôi. Giá cổ phiếu vẫn đi ngang so với đầu năm và kém tích cực hơn so với ngành, nhiều khả năng do thiếu câu chuyện hấp dẫn. VCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,9 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM ở mức 1,2 lần, với hệ số ROE dự phóng năm 2025 là 14,2% (sau khi điều chỉnh quỹ khen thưởng & phúc lợi), so với bình quân nhóm NHTM ở mức 17%. Chênh lệch định giá của VCB so với ngành hiện đang ở mức thấp kỷ lục, khoảng 50-55%.

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu cho VCB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	108	93.7	108	132	159
Chi phí lãi	(54.5)	(38.2)	(47.2)	(57.7)	(71.7)
Thu nhập lãi thuần	53.6	55.4	61.1	74.1	87.4
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.78	5.14	3.94	5.00	6.12
Lãi thuần HĐ KDNH	5.66	5.29	7.29	8.22	9.49
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.12	0.07	0.08	0.08	0.10
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.27	0.31	0.32	0.32	0.32
Thu nhập khác	2.27	2.37	3.08	3.19	3.11
Tổng thu nhập HĐ	67.7	68.6	75.9	90.9	107
Chi phí HĐ	(21.9)	(23.0)	(25.6)	(28.6)	(32.9)
LN trước dự phòng	45.8	45.6	50.3	62.3	73.7
Chi phí dự phòng	(4.56)	(3.31)	(5.25)	(9.40)	(12.5)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	41.2	42.2	45.0	52.9	61.2
Chi phí thuế TNDN	(8.19)	(8.38)	(8.99)	(10.6)	(12.2)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.03)	(0.03)
Lợi nhuận thuần	33.0	33.8	36.0	42.3	48.9
EPS (đồng)	3,953	4,049	4,172	4,753	5,497
DPS (đồng)	0	0	0	0	1,093
Slg CP bình quân (triệu đv)	8,356	8,356	8,627	8,899	8,899
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	14.5	14.3	15.5	18.4	21.6
Tiền gửi tại NHNN	58.1	49.3	51.8	61.3	72.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	336	389	456	488	555
Chứng khoán kinh doanh	2.50	4.58	10.6	6.89	8.04
Các công cụ tài chính phái sinh	0	1.31	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,242	1,418	1,650	1,919	2,208
Tổng dư nợ cho vay	1,270	1,449	1,683	1,953	2,248
Dự phòng rủi ro	(28.7)	(31.2)	(32.4)	(34.7)	(39.9)
Chứng khoán đầu tư	146	167	202	223	261
CK đầu tư sẵn sàng để bán	67.9	86.8	128	115	134
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	78.0	80.8	74.6	108	126
Dự phòng rủi ro	(0.11)	(0.25)	(0.24)	(0.16)	(0.17)
Đầu tư dài hạn	2.22	2.23	2.27	2.27	2.27
Tài sản cố định	7.71	8.09	8.52	9.02	9.52
Tài sản khác	30.7	30.9	31.4	41.7	48.7
Tổng tài sản	1,840	2,085	2,428	2,770	3,186
Nợ phải trả	1,675	1,886	2,164	2,467	2,847
Tiền gửi của NHNN	1.67	78.2	126	61.4	31.2
Tiền gửi của các TCTD khác	214	235	271	314	361
Tổng tiền gửi KH	1,396	1,515	1,710	2,013	2,365
Trái phiếu và CCTG	19.9	24.1	16.1	30.7	36.0
Nợ khác	43.4	34.8	40.6	47.1	54.2
Vốn chủ sở hữu	165	199	264	303	338
Vốn điều lệ	55.9	55.9	89.0	89.0	89.0
Thặng dư vốn cổ phần	5.00	5.00	33.8	33.8	33.8
Lợi nhuận giữ lại	76.8	111	104	138	167
Quỹ & vốn khác của CSH	27.3	27.3	36.9	42.3	48.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.09	0.10	0.10	0.10	0.10
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,840	2,085	2,428	2,770	3,186
BVPS (đồng)	19,737	23,799	29,686	34,059	38,023

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	1.42	13.4	16.4	14.1	15.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.9	14.1	16.1	16.1	15.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.2	8.52	12.9	17.7	17.4
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	11.6	8.70	12.2	18.4	17.4
Tăng trưởng VCSH (%)	21.7	20.6	32.8	14.7	11.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.70	3.33	10.4	21.1	18.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.13	5.08	11.2	11.7	15.1
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(2.19)	(0.56)	10.3	24.0	18.2
Tăng trưởng LNTT (%)	10.4	2.41	6.55	17.6	15.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	10.5	2.42	6.39	17.5	15.7

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.71	3.49	3.36	3.50	3.58
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.20)	(1.17)	(1.13)	(1.10)	(1.11)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.0	98.8	98.9	98.8	98.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.88	2.82	3.00	3.46	3.90
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	51.4	52.3	54.5	63.1	71.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	15.4	15.0	14.6	12.8	11.1
P/B (lần)	3.09	2.56	2.05	1.79	1.60
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	1.80

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	48.8	49.3	47.4	46.5	45.9
ROAA (%)	1.81	1.72	1.59	1.63	1.64
ROAE (%)	22.0	18.6	15.5	14.9	15.3
Chi phí huy động BQ (%)	3.41	2.20	2.37	2.54	2.75
Lợi suất góp BQ (%)	6.04	4.83	4.85	5.13	5.41
Lợi suất thuần (%)	2.64	2.63	2.48	2.59	2.67
Tỷ lệ NIM (%)	3.00	2.86	2.74	2.88	2.98
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.53	7.49	5.19	5.51	5.74
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	79.2	80.8	80.6	81.5	82.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	12.3	11.7	14.2	13.0	12.2
Tỷ lệ CIR (%)	32.4	33.6	33.8	31.5	30.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	19.9

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.4	12.2	13.4	13.4	13.0
VCSH/Tổng TS (%)	8.96	9.54	10.9	10.9	10.6
Đòn bẩy vốn (lần)	11.2	10.5	9.19	9.14	9.42

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.98	0.96	0.96	0.90	0.90
Hệ số LLR (%)	230	223	200	197	197

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	91.0	95.7	98.4	97.0	95.0
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.1	13.2	13.6	13.3	13.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	69.1	69.5	69.3	70.5	70.6

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	643	647	660	670	680
Số lượng nhân viên	23,493	24,306	25,278	26,289	27,341

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn